

KẾ HOẠCH

Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2023

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN; Kế hoạch số 198/KH-TTTP ngày 06/02/2024 của Thanh tra Chính phủ về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2023; UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá công tác PCTN trên địa bàn tỉnh trong năm 2023 theo quy định của Luật PCTN năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

- Từ kết quả đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2023 giúp các cấp, các ngành, địa phương thấy rõ ưu, khuyết điểm, tồn tại, bất cập trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN nhằm có chủ trương, giải pháp phù hợp góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác đấu tranh PCTN, tiêu cực trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

2. Yêu cầu

- Nâng cao trách nhiệm của Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa trong tự đánh giá và báo cáo kết quả công tác PCTN; bảo đảm kịp thời, khách quan, chính xác kèm theo các tài liệu, hồ sơ chứng minh để làm cơ sở cho Tổ thẩm định có căn cứ tham mưu UBND tỉnh đánh giá đúng thực trạng công tác PCTN cấp tỉnh năm 2023.

- Việc đánh giá công tác PCTN phải đảm bảo khách quan, khoa học, tiết kiệm, hiệu quả; có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan được giao chủ trì thực hiện và các cơ quan phối hợp trong việc báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin phục vụ cho việc tổng hợp, đánh giá.

- Hồ sơ báo cáo việc đánh giá yêu cầu phải có đủ tài liệu chứng minh, bảng thống kê danh mục tài liệu chứng minh việc đánh giá, chấm điểm theo đúng các mẫu biểu ban hành kèm theo kế hoạch này.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Nội dung tiêu chí đánh giá

Thực hiện theo quy định Luật PCTN năm 2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ, gồm 04 nội dung sau:

1.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN

- Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo.
- Đánh giá việc tổ chức thực hiện.

1.2. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

1.2.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước

- Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018.

- Kết quả cải cách hành chính năm 2023 (PAR năm 2023).
- Kết quả chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2023).
- Kết quả việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ.
- Kết quả thực hiện Đề án phát triển không dùng tiền mặt tại Việt Nam, giai đoạn 2021-2025.

- Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích.
- Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức.
- Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử.
- Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc năm 2023.

1.2.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước

- UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

- Kết quả thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

1.3. Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng, bao gồm:

- Việc phát hiện hành vi tham nhũng.

- Việc xử lý tham nhũng.
- Số tiền, tài sản kiến nghị thu hồi qua phát hiện các hành vi tham nhũng.
- Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN.

1.4. Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng, bao gồm:

- Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính;
- Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp.

(Chi tiết nội dung báo cáo đánh giá, chấm điểm đánh giá thực hiện theo các Phụ lục 1 đến số 7 kèm theo Kế hoạch này).

2. Phạm vi đánh giá

- Phạm vi đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2023 bao gồm: Đánh giá công tác quản lý nhà nước về PCTN và kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng của UBND tỉnh, các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời kỳ đánh giá và tổng hợp tài liệu chứng minh: Từ 16/12/2022 đến 15/12/2023 (năm 2023).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

1.1. UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện việc đánh giá, phối hợp thực hiện việc đánh giá tại Bảng phân nhiệm vụ thực hiện đánh giá công tác PCTN (*Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch này*); căn cứ nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện việc đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá, tổng hợp tài liệu chứng minh việc đánh giá công tác PCTN theo từng nội dung đánh giá, chỉ số đánh giá cụ thể đã phân công.

1.2. Giao Thanh tra tỉnh:

- Chịu trách nhiệm tổng hợp chung, tham mưu Báo cáo của UBND tỉnh về đánh giá công tác PCTN năm 2023 gửi Thanh tra Chính phủ.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện đánh giá, báo cáo đánh giá công tác PCTN của các cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch này.

2. Thời gian thực hiện

2.1. Các cơ quan, đơn vị được giao phối hợp phải hoàn thành việc đánh giá và gửi báo cáo đánh giá, tài liệu chứng minh về cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện chậm nhất là **ngày 19/4/2024**; đồng thời, gửi báo cáo về Thanh tra tỉnh để theo dõi, hướng dẫn, xử lý kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2.2. Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện hoàn thành việc đánh

giá, tổng hợp báo cáo đánh giá, tổng hợp tài liệu chứng minh gửi về Thanh tra tỉnh chậm nhất là **ngày 08/5/2024**.

2.3. Thanh tra tỉnh tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh ban hành, báo cáo Thanh tra Chính phủ chậm nhất là **ngày 28/5/2024**.

(Các đơn vị gửi kèm file mềm báo cáo và file pdf tài liệu chứng minh về Thanh tra tỉnh theo địa chỉ hộp thư điện tử công vụ: ttr@daknong.gov.vn).

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh, số điện thoại 0982 746 589 - đồng chí Lê Thị Ngọc Quỳnh (Thanh tra viên) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Cục IV- Thanh tra Chính phủ;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cục Thi hành dân sự tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ngân hàng Nhà nước CN tỉnh Đắk Nông;
- Các Doanh nghiệp Nhà nước;
- Lưu: VT, NC (Tr).

6

CHỦ TỊCH



Hồ Văn Mười



Phụ lục 1

**BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CẤP TỈNH NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá và chỉ số đánh giá	Đơn vị chủ trì, đầu mối tổng hợp thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Tài liệu cung cấp để chứng minh
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN				
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo:				
	A.1.1. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2023	Thanh tra tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Kế hoạch PCTN năm 2023 của UBND tỉnh
	A.1.2. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2023			
A.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện				
	A.2.1. Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN			
	A.2.1.1. Ban hành kế hoạch triển khai	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	Các văn bản, kế hoạch của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố ban hành năm 2023 về xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN
	A.2.1.2. Kết quả thực hiện			Báo cáo tổng kết, sơ kết của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN
	A.2.2. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về PCTN			
	A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	Sở Tư pháp	Các Sở, Ban, ngành; Doanh nghiệp nhà nước; UBND các huyện, thành phố.	Các kế hoạch, văn bản của các Sở, Ban, ngành, Doanh nghiệp nhà nước, UBND các huyện, thành

				phố, ban hành năm 2023 về thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN năm 2023
	<i>A.2.2.2. Kết quả thực hiện</i>	Sở Tư pháp	Các Sở, Ban, ngành; Doanh nghiệp nhà nước; UBND các huyện, thành phố.	Các báo cáo tổng kết, sơ kết của các Sở, Ban, ngành, các Doanh nghiệp nhà nước, UBND các huyện, thành phố, thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN năm 2023
	<i>A.2.3. Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN</i>			
	<i>A.2.3.1. Ban hành kế hoạch</i>	Sở Tư pháp	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Các kế hoạch, văn bản của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, ban hành năm 2023 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN
	<i>A.2.3.2. Kết quả thực hiện</i>			Các báo cáo tổng kết, sơ kết của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN năm 2023
	<i>A.2.4. Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN</i>			
	<i>A.2.4.1. Ban hành kế hoạch</i>	Sở Tư pháp	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Các kế hoạch, văn bản của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố ban hành năm 2023 về kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN
	<i>A.2.4.2. Kết quả thực hiện</i>	Sở Tư pháp	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Các báo cáo tổng kết, sơ kết của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện,

				thành phố thực hiện về kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN năm 2023
	A.2.5. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND tỉnh và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng			
	A.2.5.1 Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh		Biên bản tiếp dân của Chủ tịch UBND tỉnh hàng tháng; Văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết, xử lý các phản ánh sau khi tiếp dân.
	A.2.5.2. Chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; Doanh nghiệp nhà nước; UBND các huyện, thành phố.	Văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết, xử lý tố cáo, các phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng. - Tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng. - Tổng số các vụ việc có kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng.
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG				
	B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước			
	B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018			
	<i>B.1.1.1. Việc công khai chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của CB, CC, VC, người lao động</i>	Các Sở, Ban, ngành; Doanh nghiệp nhà nước; UBND các huyện, thành phố.		Tài liệu minh chứng (văn bản, đường dẫn trên cổng thông tin điện tử...); Liệt kê các Sở, Ban, ngành, Doanh nghiệp nhà nước, UBND các huyện,

				thành phố thực hiện đầy đủ theo quy định. Liệt kê các Sở, Ban, ngành, Doanh nghiệp nhà nước, UBND các huyện, thành phố công khai thiếu nội dung theo quy định.
	<p><i>B.1.1.2. Công tác cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch công tác tổ chức, cán bộ; việc xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh bao gồm các nội dung sau:</p> <p>(1) Công khai phân bổ chỉ tiêu biên chế (2) Công khai thông tin tuyển dụng hàng năm của cơ quan, đơn vị (3) Công khai quy hoạch cán bộ (4) Công khai thông tin luân chuyển, điều động (5) Công khai việc bầu, bổ nhiệm CB,CC,VC (6) Kết quả kiểm tra, thanh tra, rà soát năm 2023 về việc bổ nhiệm cán bộ. (7) Việc xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</p>	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; Doanh nghiệp nhà nước; UBND các huyện, thành phố.	Tài liệu minh chứng (văn bản, đường dẫn trên cổng thông tin điện tử...) Liệt kê các Sở, Ban, ngành, Doanh nghiệp nhà nước, UBND các huyện, thành phố thực hiện đầy đủ theo quy định. Liệt kê các Sở, Ban, ngành, Doanh nghiệp nhà nước, UBND các huyện, thành phố công khai thiếu nội dung theo quy định.
	<p><i>B.1.1.3. Việc bố trí quản lý, sử dụng tài chính công hoặc kinh phí huy động</i></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch về tài chính, ngân sách của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, bao gồm các nội dung sau:</p> <p>(1) Số liệu dự toán ngân sách năm 2023, quyết toán ngân sách 2022 (kể cả ngân sách bổ sung) được công khai theo quy định; (2) Số liệu dự toán kinh phí năm 2023, quyết toán năm 2022 của các đơn vị dự toán; (3) Kết quả thanh tra, kiểm toán và kết quả thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán đối với đơn vị (nếu có); (4) Công khai Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bản thuyết minh Báo cáo tài chính,... (đối với các Doanh nghiệp nhà nước).</p>	Sở Tài chính	Các Sở, Ban, ngành; Doanh nghiệp nhà nước; UBND các huyện, thành phố.	Tài liệu minh chứng (văn bản, đường dẫn trên cổng thông tin điện tử...) Liệt kê các Sở, Ban, ngành, Doanh nghiệp nhà nước, UBND các huyện, thành phố thực hiện đầy đủ theo quy định. Liệt kê các Sở, Ban, ngành, Doanh nghiệp nhà nước, UBND các huyện, thành phố, công khai thiếu nội dung theo quy định.
	<p><i>B.1.1.4. Việc bố trí quản lý, đầu tư mua sắm công</i></p> <p>Việc công khai, minh bạch về lĩnh vực đầu tư, mua sắm công do UBND cấp huyện và các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh là chủ đầu tư, bao gồm:</p> <p>(1) Kế hoạch, chương trình đầu tư, mua sắm công; (2) Danh mục dự án đầu tư, mua sắm công;</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính; Doanh nghiệp nhà nước; UBND các huyện, thành phố.	Tài liệu minh chứng (văn bản, đường dẫn trên cổng thông tin điện tử...) Liệt kê các Sở, Ban, ngành, Doanh nghiệp nhà

	<p>(3) Việc thực hiện đầu tư, mua sắm công; (4) Báo cáo kết quả thực hiện, kết quả đầu tư.</p>			<p>nước, UBND các huyện, thành phố, thực hiện đầy đủ theo quy định. Liệt kê các Sở, Ban, ngành, Doanh nghiệp nhà nước, UBND các huyện, thành phố công khai thiếu nội dung theo quy định.</p>
	<p><i>B.1.1.5. Công khai minh bạch về lĩnh vực đất đai, tài nguyên:</i> Việc thực hiện công khai, minh bạch về lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên của UBND tỉnh, UBND cấp huyện, bao gồm các nội dung sau: (1) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khoáng sản trên địa bàn; (2) Kế hoạch, kết quả giao đất, cho thuê đất; (3) Kế hoạch, kết quả thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; (4) Kế hoạch, kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, quyền khai thác tài nguyên khoáng sản; (5) Các khoản thu ngân sách từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản.</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.</p>	<p>Tài liệu minh chứng (văn bản, đường dẫn trên cổng thông tin điện tử...) Liệt kê các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện đầy đủ theo quy định. Liệt kê các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố công khai thiếu nội dung theo quy định.</p>
	<p><i>B.1.1.6. Công khai minh bạch về lĩnh vực giáo dục:</i> Việc công khai, minh bạch trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo; bao gồm: (1) Việc công khai điều kiện tuyển sinh, điều kiện cấp văn bằng, chứng chỉ; (2) Công khai các khoản thu, mức thu, cơ sở vật chất, tài chính; (3) Công khai thực hiện cam kết chất lượng đào tạo.</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo</p>	<p>UBND các huyện, thành phố</p>	<p>Tài liệu minh chứng (văn bản, đường dẫn trên cổng thông tin điện tử...) Liệt kê các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đầy đủ theo quy định. Liệt kê các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo công khai thiếu nội dung theo quy định.</p>

	<p><i>B.1.1.7. Công khai minh bạch về lĩnh vực y tế:</i> Việc công khai, minh bạch về lĩnh vực y tế theo thẩm quyền của UBND cấp tỉnh, Sở Y tế, UBND cấp huyện về: (1) Trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược; (2) Danh mục giấy phép hành nghề y, dược tư nhân trên phạm vi địa phương; (3) Công khai tài chính theo quy định của pháp luật.</p>	Sở Y tế	UBND các huyện, thành phố	<p>Tài liệu minh chứng (văn bản, đường dẫn trên cổng thông tin điện tử...) Liệt kê các đơn vị thực hiện đầy đủ theo quy định. Liệt kê đơn vị công khai thiếu nội dung theo quy định.</p>
	<p><i>B.1.1.8. Công khai thủ tục hành chính</i></p>	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	<p>Tài liệu minh chứng (văn bản, đường dẫn trên cổng thông tin điện tử...) Liệt kê các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện đầy đủ theo quy định. Liệt kê các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố công khai thiếu nội dung theo quy định.</p>
	<p>B.1.2. Kết quả cải cách hành chính (Quy đổi từ điểm PAR 2023) Điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR index 2023)</p>	Sở Nội vụ		Văn bản đánh giá của Bộ Nội vụ
	<p>B.1.3. Kết quả chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2023)</p>	Sở Thông tin và Truyền thông		Điểm đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh DTI năm 2023 do Bộ Thông tin truyền thông công bố.
	<p>B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển không dùng tiền mặt tại Việt Nam, giai đoạn 2021-2025.</p>	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đắk Nông	Văn phòng UBND tỉnh	<p>Văn bản do UBND tỉnh ban hành: - Kế hoạch hoặc lồng ghép các nội dung về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt thanh toán không dùng tiền mặt vào các đề án, dự án, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương mình. - Báo cáo kết quả thực</p>

				hiện năm 2023.
	B.1.5. Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	Sở Tài chính	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	Liệt kê số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn trong năm 2023; các tài liệu chứng minh số cuộc thanh tra, kiểm tra của đơn vị.
	B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích			
	<i>B.1.6.1. Kết quả triển khai thực hiện rà soát xung đột lợi ích</i>	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Các kế hoạch, văn bản của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố ban hành năm 2023 về tổ chức rà soát xung đột lợi ích năm 2023.
	<i>B.1.6.2. Kết quả giải quyết xung đột lợi ích</i>			Các văn bản, báo cáo liên quan đến các vụ việc xung đột lợi ích đã được giải quyết năm 2023.
	B.1.7. Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Các văn bản, kế hoạch, báo cáo của các Sở, Ban, ngành, UBND huyện, thành phố ban hành năm 2023 về chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức.
	B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; Doanh nghiệp nhà nước; UBND các huyện, thành phố.	- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử
	B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)			
	<i>B.1.9.1. Kế hoạch tổ chức thực hiện</i>	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; Doanh nghiệp Nhà	Các văn bản, kế hoạch do UBND tỉnh ban hành:

<i>B.1.9.2. Kết quả kê khai TSTN lần đầu, hàng năm, bổ sung</i>		nước; UBND các huyện, thành phố.	văn bản, kế hoạch thực hiện KSTSTN; Báo cáo kết quả thực hiện kê khai, công khai bản kê khai; Kế hoạch xác minh TSTN và Báo cáo kết quả xác minh.
<i>B.1.9.3. Kết quả công khai TSTN</i>			
<i>B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN</i>			
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp			
<i>B.1.10.1. Kế hoạch triển khai năm 2023</i>	Thanh tra tỉnh		Các văn bản do UBND tỉnh ban hành
<i>B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp (Số kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp đã được xử lý/Tổng số kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp đã tiếp nhận)</i>	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	Các tài liệu liên quan đến việc giải quyết kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp
<i>B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị số 10/CT-TTg (Số người bị xử lý/ Tổng số người vi phạm)</i>	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.	Các tài liệu liên quan đến số người vi phạm, số người bị xử lý
B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) Tổ chức tín dụng và (3) Tổ chức xã hội do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh.			
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.	Thanh tra tỉnh		Văn bản do UBND tỉnh ban hành.

	<p>B.2.2. Kết quả thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.</p>	<p>Thanh tra tỉnh</p>	<p>Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh Đắk Nông; các Công ty đại chúng; tổ chức tín dụng và tổ chức xã hội do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh</p>	<p>Lập danh mục các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước đã thực hiện thanh tra, kiểm tra và các văn bản liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN về thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch</p>
<p>C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG</p>				
<p>C.1. Đánh giá việc phát hiện hành vi tham nhũng</p>				
	<p>C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát</p>			<p>Các Quyết định, kế hoạch, báo cáo kết quả, kết luận của từng cuộc thanh tra, kiểm tra. (Lập danh mục bảng kê số quyết định, kế hoạch, báo cáo kết quả, kết luận của từng cuộc thanh tra, kiểm tra và tài liệu minh chứng kèm theo).</p>
	<p>Kết quả thực hiện kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch do UBND tỉnh ban hành (Số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng/Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện + Số cuộc thanh tra phát hiện tham nhũng/Tổng số cuộc thanh tra thực hiện)</p>	<p>Thanh tra tỉnh</p>		
	<p>Kết quả thực hiện kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch do các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố ban hành. (Số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng/Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện) + (Số cuộc thanh tra phát hiện tham nhũng/Tổng số cuộc thanh tra thực hiện)</p>	<p>Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố (kết quả kiểm tra của UBKT Đảng các cấp, kết quả giám sát của HĐND cấp huyện, xã, kiểm tra nội bộ của cơ</p>		<p>Các Quyết định, kế hoạch, báo cáo kết quả, kết luận của từng cuộc thanh tra, kiểm tra. (Lập danh mục bảng kê số quyết định, kế hoạch, báo cáo kết quả, kết luận của từng cuộc thanh tra, kiểm tra và tài liệu minh chứng</p>

		quan hành chính các cấp)		kèm theo).
	Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua hoạt động giám sát Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan giám sát cấp tỉnh. Nêu rõ tỷ lệ: Số cuộc giám sát phát hiện được vụ việc có dấu hiệu tham nhũng/ Tổng số cuộc giám sát thực hiện	Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh		Các văn bản chứng minh nội dung.
	Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan giám sát cấp huyện. Nêu rõ tỷ lệ: Số cuộc giám sát phát hiện được vụ việc có dấu hiệu tham nhũng/ Tổng số cuộc giám sát thực hiện	UBND các huyện, thành phố		Các văn bản chứng minh nội dung.
	C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo {(Số tin phản ánh phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng/ Tổng số tin phản ánh trong toàn tỉnh) + (Số đơn tố cáo phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng/Tổng số đơn tố cáo trong toàn tỉnh)}	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố		Các văn bản xác minh, kết luận, xử lý tố cáo
	C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử {(Số vụ án tham nhũng được khởi tố/ Tổng số vụ việc liên quan tham nhũng (tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố) + (Số vụ án quyết định truy tố tham nhũng/Tổng số vụ án đề nghị truy tố liên quan tham nhũng) + (Số vụ án tham nhũng đưa ra xét xử/ Tổng số vụ án tiếp nhận liên quan tham nhũng)}	Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh		Các văn bản xử lý có liên quan đến các vụ án tham nhũng
	C.2. Đánh giá việc xử lý tham nhũng			
	C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân			
	<i>C.2.1.1 Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng (Số tổ chức bị xử lý kỷ luật hành chính do để xảy ra tham nhũng/ Tổng số tổ chức phát hiện hành vi tham nhũng)</i>	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Các văn bản liên quan đến việc xử lý; liệt kê các tổ chức bị xử lý kỷ luật hành chính do để xảy ra tham nhũng; liệt kê tổng số tổ chức phát hiện hành vi tham nhũng; liệt kê danh sách người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật hành chính; liệt kê tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện.
	<i>C.2.1.2 Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng</i>			
	C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng			
	<i>C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra (Số người cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng/Tổng số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan tham nhũng)</i>	Công an tỉnh		Các văn bản xử lý có liên quan đến việc đề nghị truy tố

<p><i>C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố (Số người do Viện Kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng/Tổng số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng)</i></p>	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh		Các văn bản xử lý có liên quan đến việc truy tố về hành vi tham nhũng
<p><i>C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử (Số người do Tòa án kết án tội phạm tham nhũng/Tổng số người do Viện Kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng)</i></p>	Tòa án nhân dân tỉnh		Các văn bản xử lý có liên quan đến việc kết án tội phạm tham nhũng
<p>C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng</p>			
<p><i>C.2.3.1. Hình thức khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)</i></p>	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	<p>Các văn bản liên quan đến việc xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới để xảy ra tham nhũng. Liệt kê số cơ quan đã xử lý khiển trách, cảnh cáo, cách chức người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.</p>
<p><i>C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm)</i></p>	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	
<p><i>C.2.3.3. Hình thức cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)</i></p>	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	
<p>C.3. Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi qua phát hiện các hành vi tham nhũng</p>			
<p><i>Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua kiểm tra (Số lượng tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi/Tổng số tiền, tài sản đã phát hiện tham nhũng)</i></p>	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hồ sơ các vụ việc liên quan đến phát hiện, thu hồi số tiền, tài sản tham nhũng
<p><i>Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua thanh tra (Số lượng tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi/Tổng số tiền, tài sản đã phát hiện tham nhũng)</i></p>	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Hồ sơ các vụ việc liên quan đến phát hiện, thu hồi số tiền, tài sản tham nhũng
<p><i>Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo (Số lượng tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi/Tổng số</i></p>	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện,	Hồ sơ các vụ việc liên quan đến phát hiện, thu

	tiền, tài sản đã phát hiện tham nhũng)		thành phố	hồi số tiền, tài sản tham nhũng
	Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua hoạt động giám sát: Chỉ số này đánh giá kết quả xử lý tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan giám sát cấp tỉnh. Nêu rõ tỷ lệ: Tiền, tài sản tham nhũng kiến nghị thu hồi qua hoạt động giám sát/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua hoạt động giám sát.	Thanh tra tỉnh	Văn phòng ĐBQH & HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Hồ sơ các vụ việc liên quan đến phát hiện, thu hồi số tiền, tài sản tham nhũng
	Chỉ số này đánh giá kết quả xử lý tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan giám sát cấp huyện Nêu rõ tỷ lệ: Tiền, tài sản tham nhũng kiến nghị thu hồi qua hoạt động giám sát/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua hoạt động giám sát.	Thanh tra tỉnh	UBND các huyện, thành phố	Hồ sơ các vụ việc liên quan đến phát hiện, thu hồi số tiền, tài sản tham nhũng
	Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua điều tra, truy tố, xét xử <i>Số lượng tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi/Tổng số tiền, tài sản đã phát hiện tham nhũng</i>	Thanh tra tỉnh	Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh	Hồ sơ các vụ việc liên quan đến phát hiện, thu hồi số tiền, tài sản tham nhũng
C.4. Đánh giá kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN				
	C.4.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Các văn bản có liên quan đến việc xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; liệt kê cụ thể các cá nhân bị xử lý vi phạm; Tổng số người vi phạm.
	C.4.2 Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Sở Tài chính	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Các văn bản có liên quan đến việc xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn; liệt kê cụ thể các cá nhân bị xử lý vi phạm; Tổng số người vi phạm.
	C.4.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Các văn bản có liên quan đến việc xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; liệt kê cụ thể các cá nhân bị xử lý vi phạm; Tổng số người vi phạm.
	C.4.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành;	Các văn bản có liên quan

			UBND các huyện, thành phố	đến việc xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích; liệt kê cụ thể các cá nhân bị xử lý vi phạm; Tổng số người vi phạm.
	C.4.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Các văn bản có liên quan đến việc xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác; liệt kê cụ thể các cá nhân bị xử lý vi phạm; Tổng số người vi phạm.
	C.4.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Các văn bản có liên quan đến việc xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng; liệt kê cụ thể các cá nhân bị xử lý vi phạm; Tổng số người vi phạm.
	C.4.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; Doanh nghiệp Nhà nước; UBND các huyện, thành phố	Các văn bản có liên quan đến việc xử lý vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN; liệt kê cụ thể các cá nhân bị xử lý vi phạm; Tổng số người có hành vi phạm.
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG				
	D.1. Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính (Số tiền, tài sản đã thu hồi/ Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) qua biện pháp hành chính)	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; Công an tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh		Hồ sơ các vụ việc liên quan đến việc thu hồi số tiền, tài sản tham nhũng
	D.2. Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp (Số tiền, tài sản đã thu hồi/ Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) bởi cơ quan thi hành án)	Cục thi hành án dân sự tỉnh		Hồ sơ các vụ việc liên quan đến việc thu hồi số tiền, tài sản tham nhũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 2

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG
THAM NHŨNG NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 19/3 /2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số /BC-...

Đắk Nông, ngày tháng năm 2024

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
NĂM 2023 CỦA**

I. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (PCTN)

1. Đánh giá việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN

- Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo của Thủ trưởng đơn vị trong việc triển khai xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN; kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN.

- Đánh giá việc tổ chức thực hiện:

+ Việc ban hành chương trình, kế hoạch nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN.

+ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

+ Tổ chức tiếp công dân: Việc thực hiện tiếp công dân của người đứng đầu theo quy định của Luật Tiếp công dân, Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định về công tác tiếp công dân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

2.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước

- Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018: (1) Kết quả công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về các nội dung sau đây: Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân; Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác; Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà theo quy định của pháp

luật phải công khai, minh bạch; (2) Kết quả công khai, minh bạch về thủ tục hành chính.

- Kết quả cải cách hành chính năm 2023 (PAR năm 2023).
- Kết quả chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2023).
- Kết quả việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ.
- Kết quả thực hiện Đề án phát triển không dùng tiền mặt tại Việt Nam, giai đoạn 2021-2025.

- Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích.

- Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức.

- Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử.

- Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN): Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN; Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN; Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN; Kết quả xác minh TSTN.

- Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc: kế hoạch triển khai năm 2023; việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp; kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị số 10/CT-TTg.

2.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước (*Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức XH do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh*):

- Việc ban hành văn bản hướng dẫn, đơn đốc thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

- Kết quả thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

3. Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng

3.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng

3.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát

- Việc ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát của đơn vị.

- Việc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát: số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng/Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện; số cuộc giám sát phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng/ Tổng số cuộc giám sát thực hiện; số cuộc thanh tra phát hiện tham nhũng/ Tổng số cuộc thanh tra thực hiện.

3.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phân ánh, tố cáo

- Số tin phản ánh phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng/ Tổng số tin phản ánh trong cơ quan, đơn vị.

- Số đơn tố cáo phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng/ Tổng số đơn tố cáo trong cơ quan, đơn vị.

3.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử

- Số vụ án tham nhũng được khởi tố/ Tổng số vụ việc liên quan tham nhũng (tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố).

- Số vụ án quyết định truy tố tham nhũng/ Tổng số vụ án đề nghị truy tố liên quan tham nhũng.

- Số vụ án tham nhũng đưa ra xét xử/ Tổng số vụ án tiếp nhận liên quan tham nhũng.

3.2. Đánh giá việc xử lý tham nhũng

3.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân

- Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với tổ chức do đề xảy ra tham nhũng: số tổ chức bị xử lý kỷ luật hành chính do đề xảy ra tham nhũng/ Tổng số tổ chức phát hiện hành vi tham nhũng.

- Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng: số người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật hành chính/ Tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện.

3.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng

- Kết quả xử lý qua điều tra: số người cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng/ Tổng số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan tham nhũng.

- Kết quả xử lý qua truy tố: số người do Viện Kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng/ Tổng số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng.

- Kết quả xử lý qua xét xử: số người do Tòa án kết án tội phạm tham nhũng/ Tổng số người do Viện Kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng.

3.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng

- Hình thức khiển trách: số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý khiển trách/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị đề xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng.

- Hình thức cảnh cáo: số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý cảnh cáo/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị đề xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng.

- Hình thức cách chức: số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý cách chức/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị đề xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

3.3. Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi qua phát hiện các hành vi tham nhũng

- Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua kiểm tra: số lượng tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi/Tổng số tiền, tài sản đã phát hiện tham nhũng.
- Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua thanh tra: số lượng tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi/Tổng số tiền, tài sản đã phát hiện tham nhũng.
- Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo (Số lượng tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi/Tổng số tiền, tài sản đã phát hiện tham nhũng).
- Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua hoạt động giám sát: số lượng tiền, tài sản tham nhũng kiến nghị thu hồi qua hoạt động giám sát/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua hoạt động giám sát.
- Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua điều tra, truy tố, xét xử: số lượng tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi/Tổng số tiền, tài sản đã phát hiện tham nhũng.

3.4. Đánh giá kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN

3.4.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị

Số người bị xử lý/ Tổng số người vi phạm.

3.4.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Số người bị xử lý/ Tổng số người vi phạm

3.4.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Số người bị xử lý/ Tổng số người vi phạm.

3.4.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích

Số người bị xử lý/ Tổng số người vi phạm.

3.4.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyên đổi vị trí công tác

Số người bị xử lý/ Tổng số người vi phạm.

3.4.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng

Số người bị xử lý/ Tổng số người vi phạm.

3.4.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi phạm khác trong kiểm soát TSTN

Số người bị xử lý/ Tổng số người vi phạm

4. Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng

- Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính: số tiền, tài sản đã thu hồi/ Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) qua biện pháp hành chính.

- Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp: số tiền, tài sản đã thu hồi/ Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi bởi cơ quan thi hành án.

II. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ VỀ CÔNG TÁC PCTN

Đánh giá chung tiến triển của công tác PCTN 2023 về kết quả, hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp PCTN so với năm 2022; những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện công tác PCTN.

Đề xuất giải pháp để tiếp tục tăng cường thực hiện, nâng cao hiệu quả các giải pháp PCTN nhằm thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn tham nhũng trong thời gian tới.

III. Đối với các đơn vị được phân công chủ trì thực hiện nhiệm vụ đánh giá công tác PCTN theo từng tiêu chí, tổng hợp, báo cáo các nội dung đánh giá (đã nêu cụ thể tại Phụ lục I):

1. Thanh tra tỉnh

- Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN;
- Các văn bản xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN;
- Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước;
- Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích;
- Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập;
- Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ngăn chặn tình trạng những nhiều, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp;
- Việc phát hiện các hành vi tham nhũng qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo;
- Kết quả xử lý các hành vi tham nhũng;
- Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; vi phạm quy định về xung đột lợi ích; vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng; hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN.

2. Văn phòng UBND tỉnh: Việc thực hiện tiếp công dân của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Sở Tư pháp

- Việc thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN;
- Việc thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN;
- Việc thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Việc thực hiện công khai, minh bạch các nội dung liên quan đến giáo dục, đào tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo.

5. Sở Tài chính

- Việc thực hiện công khai, minh bạch các nội dung liên quan đến lĩnh vực tài chính ngân sách và mua sắm công;
- Việc xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- Việc ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ định mức, tiêu chuẩn;
- Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Việc thực hiện công khai, minh bạch các nội dung liên quan đến lĩnh vực đầu tư, mua sắm công do UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh là chủ đầu tư hoặc chủ quản đầu tư.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Việc thực hiện công khai, minh bạch về lĩnh vực đất đai, tài nguyên của UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố.

9. Sở Y tế

Việc thực hiện công khai, minh bạch về lĩnh vực y tế theo thẩm quyền của UBND cấp tỉnh, Sở Y tế, UBND cấp huyện.

10. Sở Nội vụ

- Việc thực hiện công khai, minh bạch liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh;

- Việc xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;

- Kết quả thực hiện công khai thủ tục hành chính;

- Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức;

- Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng;

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng;

- Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh Đắk Nông do Bộ Nội vụ đánh giá;

- Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác.

11. Sở Thông tin và Truyền thông

Kết quả đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2023) do Bộ Thông tin truyền thông công bố.

12. Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án Dân sự tỉnh

Báo cáo về phát hiện các hành vi tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc xử lý các hành vi tham nhũng; Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi phát hiện qua điều tra, truy tố, xét xử; Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng; Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính; Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 3
PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CẤP TỈNH NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2023)
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	20			
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN	5			
A.1.1. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2023	1	- UBND cấp tỉnh có ban hành kế hoạch PCTN năm 2023: 1,0 điểm Không ban hành kế hoạch: 0 điểm		Kế hoạch PCTN năm 2023 của UBND tỉnh
A.1.2. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2023	4	Trong kế hoạch: - Có nội dung triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của TW về PCTN: 1,0 điểm - Có nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: 0,5 điểm - Có nội dung xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN: 0,5 điểm - Có nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN: 0,5 điểm - Có nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: 0,5 điểm - Có nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN: 1,0 điểm		Kế hoạch PCTN năm 2023 của UBND tỉnh
A.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện:	15			- Liệt kê danh sách chi tiết các sở, ban,

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2023)
				huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện
A.2.1. Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN	4			
A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	1	(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã ban hành kế hoạch xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)		- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã ban hành kế hoạch xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN năm 2023
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	3	(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện/ Tổng số, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 3		- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN năm 2023
A.2.2. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4			
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	1	(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về PCTN/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)		- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã ban hành kế hoạch năm 2023
A.2.2.2. Kết quả thực hiện	3	(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 3.		- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN năm 2023.
A.2.3. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4			
A.2.3.1. Ban hành kế hoạch	1	(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)		- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.
A.2.3.2. Kết quả thực hiện	3	(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện / Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị		Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, ngành, huyện có văn bản báo cáo kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2023)
		<i>thuộc UBND cấp tỉnh).</i>		<i>PCTN năm 2023.</i>
A.2.4. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	<i>(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện / Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)</i>		<i>Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã ban hành kế hoạch triển khai việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN năm 2023</i>
A.2.5. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh và chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng.	2			
A.2.5.1. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	1	<i>(Số tháng tiếp dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh/12 tháng)</i>		<i>Liệt kê thông báo, lịch tiếp dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh năm 2023</i>
A.2.5.2. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng.	1	<i>(Số vụ việc được Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng/ Tổng số các vụ việc công dân kiến nghị với Chủ tịch UBND cấp tỉnh)</i>		<ul style="list-style-type: none"> - <i>Liệt kê các Văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết, xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng năm 2023</i> - <i>Liệt kê tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng năm 2023.</i> - <i>Liệt kê tổng số các vụ việc có kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng năm 2023</i>
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	30	CÁCH TÍNH ĐIỂM		
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	26			

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2023)
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018	5	<p>- Tất cả sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh công khai đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Luật PCTN 2018: 5,0 điểm</p> <p>- Mỗi sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh công khai không đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Luật PCTN 2018 bị trừ 0,2 điểm</p>		<p>- Liệt kê danh sách các sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện công khai đầy đủ theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018.</p> <p>“Điều 10. Nội dung công khai, minh bạch</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về các nội dung sau đây:</p> <p>a) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân;</p> <p>b) Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác;</p> <p>c) Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác ngoài nội dung công khai, minh bạch quy định tại khoản 1 Điều này còn phải <u>công khai, minh bạch về thủ tục hành chính</u>”.</p> <p><i>Ghi chú: Mỗi sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục số 6</i></p>
B.1.2. Kết quả cải cách hành chính (PAR năm 2023)	1	<p>Quy đổi từ điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR index 2023). (Điểm PAR của UBND cấp tỉnh năm 2023)/100</p>		<p>- Điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR index 2023)</p>

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2023)
B.1.3. Kết quả chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2023)	1	Điểm đánh giá chuyển đổi số (DTI) tỉnh đạt được năm 2023		- Điểm đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh DTI năm 2023 do Bộ Thông tin truyền thông công bố.
B.1.4. Kết quả thực Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025	1	- UBND tỉnh ban hành kế hoạch hoặc văn bản lồng ghép các nội dung thực hiện: 0,5 điểm. - UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 0,5 điểm		Liệt kê văn bản do UBND tỉnh ban hành: - Kế hoạch hoặc lồng ghép các nội dung về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt vào các đề án, dự án, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương mình. - Báo cáo kết quả thực hiện năm 2023.
B.1.5. Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC)	2			
B.1.5.1. Việc ban hành kế hoạch	1	(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)		- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC năm 2023 <u>Ghi chú:</u> Mỗi sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật việc thực hiện vào Phụ lục số 6
B.1.5.2. Kết quả thực hiện	1	(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)		- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC năm 2023 <u>Ghi chú:</u> Mỗi sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật việc thực hiện vào Phụ lục số 6
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)	4			
B.1.6.1. Việc ban hành kế hoạch	1	(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch rà soát XDLI/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)		- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã ban hành kế hoạch tổ chức rà soát XDLI năm 2023 <u>Ghi chú:</u> Mỗi sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục số 6
B.1.6.2. Kết quả thực hiện	1	(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh tổ chức rà soát XDLI/ Tổng số sở,		- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2023)
		<i>ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)</i>		<i>cấp tỉnh đã tổ chức rà soát XDLI năm 2023</i> Ghi chú: Mỗi sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục số 6
B.1.6.3. Kết quả giải quyết XDLI	2	- Giải quyết một vụ: Được tính 0,5 điểm - Giải quyết hai vụ: Được tính 1,0 điểm - Giải quyết ba vụ: Được tính 1,5 điểm - Giải quyết bốn vụ trở lên: Được tính 2,0 điểm.		<i>Liệt kê chi tiết các vụ việc XDLI đã được giải quyết năm 2023.</i>
B.1.7. Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	1			
B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch	0,5	<i>(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 0,5</i>		- <i>Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác năm 2023</i> Ghi chú: Mỗi sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục số 6
B.1.7.2. Kết quả thực hiện	0,5	<i>(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 0,5</i>		- <i>Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác năm 2023</i> Ghi chú: Mỗi sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục số 6
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1	<i>(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)</i>		- <i>Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử năm 2023</i> Ghi chú: Mỗi sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục số 6
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5			
B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	1	<i>(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch kê khai, công</i>		- <i>Liệt kê danh sách sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban</i>

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2023)
		<i>khai bản kê khai TSTN/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)</i>		<i>hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN năm 2023</i> <u>Ghi chú:</u> Mỗi sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục số 6
<i>B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN</i>	1	<i>(Số sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)</i>		- <i>Liệt kê danh sách sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định năm 2023</i> <u>Ghi chú:</u> Mỗi sở, ban, ngành, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục số 6
<i>B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN</i>	1	- <i>UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN:0,5 điểm</i> - <i>Thanh tra cấp tỉnh ban hành kế hoạch xác minh TSTN:0,5 điểm</i>		- <i>Liệt kê văn bản UBND cấp tỉnh Phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN năm 2023</i> - <i>Kế hoạch xác minh TSTN.</i>
<i>B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN</i>	2	<i>(Số người được xác minh TSTN đã có kết luận/ Tổng số người được xác minh TSTN)x 2,0</i>		- <i>Liệt kê: Báo cáo kết quả xác minh TSTN, kết luận xác minh TSTN đã thực hiện năm 2023</i>
<i>B.1.10. Kết quả thực hiện Chi thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc</i>	4			
<i>B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chi thị số 10/CT-TTg</i>	1	<i>Năm 2023, UBND tỉnh có ban hành kế hoạch thực hiện Chi thị số 10/CT-TTg: 1 điểm</i>		<i>Liệt kê văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chi thị số 10/CT-TTg năm 2023</i>
<i>B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc</i>	1	<i>(Số vụ việc kiến nghị, phản ánh đã được xử lý/ Tổng số vụ việc kiến nghị, phản ánh đã tiếp nhận)</i> <i>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm</i>		- <i>Liệt kê các vụ việc người dân, doanh nghiệp kiến nghị phản ánh tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc năm 2023</i> - <i>Liệt kê các vụ việc đã được xử lý năm 2023</i>
<i>B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chi thị số 10/CT-TTg</i>	2	<i>(Số người đã xử lý vi phạm Chi thị số 10/CT-TTg / Tổng số người vi phạm) x 2</i>		- <i>Liệt kê các cá nhân đã xử lý vi phạm Chi thị số 10/CT-TTg năm 2023</i>

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2023)
		<i>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm</i>		<i>- Liệt kê tổng số các cá nhân vi phạm Chỉ thị số 10/CT-TTg năm 2023</i>
B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức XH do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh.	4	Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh được xác định theo Khoản 3, Điều 59 của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.		
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1	- Năm 2023, UBND cấp tỉnh có văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện: 1,0 điểm - Không có văn bản hướng dẫn, đôn đốc: 0 điểm		Liệt kê văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước năm 2023
B.2.2. Kết quả thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	3	- Có thanh tra đối với khu vực ngoài nhà nước: + Một cuộc: Được tính 1,0 điểm + Hai cuộc: Được tính 1,5 điểm + Ba cuộc: Được tính 2,0 điểm + Bốn cuộc trở lên: Được tính 3,0 điểm. - Không có cuộc thanh tra: 0 điểm		- Liệt kê các cuộc thanh tra, kiểm tra đã thực hiện trong năm 2023
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	40	CÁCH TÍNH ĐIỂM		
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12			
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.	4	$\{(Số\ cuộc\ kiểm\ tra\ phát\ hiện\ hành\ vi\ tham\ nhũng/ Tổng\ số\ cuộc\ kiểm\ tra\ thực\ hiện) + (Số\ cuộc\ giám\ sát\ phát\ hiện\ hành\ vi\ tham\ nhũng/ Tổng\ số\ cuộc\ giám\ sát\ thực\ hiện) + (Số\ cuộc\ thanh\ tra\ phát\ hiện\ hành\ vi\ tham\ nhũng/ Tổng\ số\ cuộc\ thanh\ tra\ thực\ hiện)\} \times 4: 3$		- Liệt kê cụ thể các cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng năm 2023. - Liệt kê cụ thể các cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng năm 2023. - Liệt kê cụ thể các cuộc giám sát phát hiện hành vi tham nhũng. - Báo cáo kết quả giám sát năm 2023. - Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra năm 2023.

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2023)
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	4	{(Số vụ việc giải quyết tin phản ánh phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số tin phản ánh trong toàn tỉnh) + (Số vụ việc giải quyết đơn tố cáo phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số đơn tố cáo trong toàn tỉnh)} x 4: 2		- Liệt kê cụ thể các vụ việc giải quyết tin phản ánh phát hiện hành vi tham. - Liệt kê cụ thể các cuộc giải quyết tố cáo phát hiện hành vi tham nhũng. - Báo cáo kết quả công tác xử lý tin phản ánh, giải quyết đơn tố cáo năm 2023.
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	4	{(Số vụ án tham nhũng được khởi tố điều tra/ Tổng số vụ việc tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị điều tra tham nhũng) + (Số vụ án quyết định truy tố tội tham nhũng/ Tổng số vụ án đề nghị truy tố tội tham nhũng) + (Số vụ án tham nhũng đưa ra xét xử/ Tổng số vụ án tiếp nhận liên quan tham nhũng)} x 4 :3		Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2023
C.2. Việc xử lý tham nhũng	20			
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng	5			
C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.	2,5	(Số tổ chức đã xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính do để xảy ra tham nhũng/ Tổng số tổ chức để xảy ra tham nhũng) x 2,5		- Liệt kê danh sách các tổ chức đã xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính do để xảy ra tham nhũng. - Liệt kê danh sách tổ chức để xảy ra tham nhũng.
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng	2,5	(Số người có hành vi tham nhũng đã xử lý kỷ luật hành chính/ Tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện) x 2,5		- Liệt kê danh sách người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật hành chính. - Liệt kê Tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện.
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5			
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra	2,5	(Số người cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng/ Tổng số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan tham nhũng) x 2,5		
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố	2,5	(Số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng/ Tổng số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng) x 2,5		Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2023
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	2,5	(Số người do Tòa án kết án tội phạm tham nhũng/ Tổng số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng) x 2,5		

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2023)
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7,5			Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, báo cáo chính thức của cơ quan hoặc người có thẩm quyền về vụ việc, vụ án tham nhũng hoặc từ ngày bản án về tham nhũng có hiệu lực pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét xử lý kỷ luật hoặc báo cáo đề cấp có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới để xảy ra tham nhũng.
C.2.3.1. Hình thức khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)	2,5	(Số cơ quan đã xử lý khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng trên địa bàn) x 2,5 Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.		- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. - Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng năm 2023
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm)	2,5	(Số cơ quan đã xử lý cảnh cáo Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng trên địa bàn) x 2,5 Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý cảnh cáo Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị - Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng năm 2023
C.2.3.3. Hình thức cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà	2,5	(Số cơ quan đã xử lý cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn) x 2,5 Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.		- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: - Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2023)
<i>người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)</i>				
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8			
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị.
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị . - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị .
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về xung đột lợi ích.
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác.
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2023)
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 20, 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	2	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm)x 2 Không có trường hợp xử lý: 0 điểm		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN. - Liệt kê danh sách tổng số người có hành vi vi phạm về kê khai TSTN và hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN.
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHỮNG	10	CÁCH TÍNH ĐIỂM		
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	5			
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra) x 3		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra theo từng vụ việc. - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra.
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh / Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh) x 2		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc. - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh.
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	5			
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2,5	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử) x 2,5		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử theo từng vụ việc. - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử năm 2023.
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2,5	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác thi hành án/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi theo bản án) x 2,5		<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác theo từng vụ việc. - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng tham nhũng phải thu hồi theo từng bản án.



Phụ lục 4

TỔNG HỢP ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)	100		
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	20		
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:	5		
A.1.1. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2023	1		
A.1.2. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2023	4		
A.1.2.1 Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của TW về PCTN	1		
A.1.2.2 Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN	0,5		
A.1.2.3 Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	0,5		
A.1.2.4 Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	0,5		
A.1.2.5 Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN	0,5		
A.1.2.6 Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN	1		
A.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện:	15		
A.2.1. Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN	4		
A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	1		
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	3		
A.2.2. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4		
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	1		
A.2.2.2. Kết quả thực hiện	3		
A.2.3. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4		
A.2.3.1. Ban hành kế hoạch	1		
A.2.3.2. Kết quả thực hiện	3		
A.2.4. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1		
A.2.5. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh và chỉ đạo xử lý các kiến nghị của công dân.	2		
A.2.5.1. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	1		

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
<i>A.2.5.2. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân ...</i>	1		
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	30		
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	26		
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018	6		
B.1.2. Kết quả cải cách hành chính (PAR 2023)	1		
B.1.3. Kết quả chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2023)	1		
B.1.4. Kết quả thực Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	1		
B.1.5. Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	2		
<i>B.1.5.1. Việc ban hành kế hoạch</i>	1		
<i>B.1.5.2. Kết quả thực hiện</i>	1		
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)	4		
<i>B.1.6.1. Việc ban hành kế hoạch</i>	1		
<i>B.1.6.2. Kết quả thực hiện</i>	1		
<i>B.1.6.3. Kết quả giải quyết XĐLI</i>	2		
B.1.7. Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC	1		
<i>B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch</i>	0,5		
<i>B.1.7.2. Kết quả thực hiện</i>	0,5		
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1		
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5		
<i>B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.</i>	1		
<i>B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN</i>	1		
<i>B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN</i>	1		
<i>B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN</i>	2		
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg của TTg CP	4		
<i>B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg</i>	1		
<i>B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....</i>	1		
<i>B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị số 10/CT-TTg</i>	2		
B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	4		
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1		

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
B.2.2. Kết quả Thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	3		
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	40		
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12		-
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua KT, TT, GS	4		
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	4		
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	4		-
C.2. Việc xử lý tham nhũng	20		
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN	5		
<i>C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.</i>	2,5		
<i>C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng</i>	2,5		
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5		
<i>C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra</i>	2,5		
<i>C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố</i>	2,5		
<i>C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử</i>	2,5		
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7,5		
<i>C.2.3.1. Hình thức khiển trách</i>	2,5		
<i>C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo</i>	2,5		
<i>C.2.3.3. Hình thức cách chức</i>	2,5		
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8		
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1		
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1		
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1		
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1		
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác	1		
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1		

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 20, 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	2		
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHỮNG	10		
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	5		
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3		
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2		
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	5		
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2,5		
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2,5		

Ghi chú: Không làm tròn số điểm; lấy 2 số thập phân sau dấu phẩy.



Phụ lục 5
TỔNG HỢP DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG CỦA UBND TỈNH
PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số *197* /KH-UBND ngày *29*/3/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)					
	A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN					
	A.1.1. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2023	A.1.2. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2023				
	<i>A.1.2.1 Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của TW về PCTN: 1,0 điểm</i>	<i>A.1.2.2 Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN : 0,5 điểm</i>	<i>A.1.2.3 Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN: 0,5 điểm</i>	<i>A.1.2.4 Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN: 0,5 điểm</i>	<i>A.1.2.5 Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN: 0,5 điểm</i>	<i>A.1.2.6 Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN: 1,0 điểm</i>
1						
2						
3						
...						

Tt	Tên Sở, Ban, ngành, huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)			
		A.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện			
		A.2.1 Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN		A.2.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
		<i>A.2.1.1 Ban hành KH triển khai</i>	<i>A.2.1.2 Kết quả thực hiện</i>	<i>A.2.2.1 Ban hành kế hoạch</i>	<i>A.2.2.2 Kết quả thực hiện</i>
1	Sở				
2				
3	Huyện				
4	...				
5				

Tt	Tên sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)		
		A.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện		
		A.2.3 Thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN		A.2.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN
		<i>A.2.3.1 Ban hành kế hoạch</i>	<i>A.2.3.2 Kết quả thực hiện</i>	<i>Văn bản báo cáo kết quả thực hiện</i>
1	Sở			
2			
3	huyện			
4	...			
5			

	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)	
	A.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện	
	A.2.5 Các BB tiếp dân và VB giải quyết, xử lý của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố	
	<i>A.2.5.1 Các BB tiếp dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh</i>	<i>A.2.5.2. VB chỉ đạo xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng của Chủ tịch UBND tỉnh, TP</i>
Tháng...		Văn bản...
Tháng...		Văn bản...
Tháng...		Văn bản...
...		...

Tt		Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)			
		B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG			
		B.1. Công tác phòng ngừa TN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước			
	B.1.1 Kết quả thực hiện CK, MB theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018	B.1.4. Kết quả thực Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025	B.1.5. Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC)		
		Ban hành KH hoặc VB lồng ghép các nội dung thực hiện	Báo cáo kết quả thực hiện gửi NHNN	<i>B.1.5.1 Ban hành KH</i>	<i>B.1.5.2 Kết quả thực hiện</i>
1	Sở				
2	...				
3	Huyện.....				
4	...				
...	...				

Tt		Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)					
		B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG					
		B.1. Công tác phòng ngừa TN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước					
	B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)			B.1.7. Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của CBCCVC		B.1.8. Kết quả thực hiện QTUX	
	<i>B.1.6.1. Ban hành kế hoạch</i>	<i>B.1.6.2 Kết quả thực hiện</i>	<i>B.1.6.3 Kết quả giải quyết XDLI</i>	<i>B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch</i>	<i>B.1.7.2. Kết quả thực hiện</i>	<i>Báo cáo việc thực hiện QTUX</i>	
1	Sở						
2	...						
3	Huyện.....						
4	...						
...	...						

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)						
	B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG						
	B.1. Công tác phòng ngừa TN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước						
	B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)				B.1.10. Kết quả thực hiện Chi thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP		
	<i>B.1.9.1. Kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN</i>	<i>B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN</i>	<i>B.1.9.3. Kế hoạch xác minh TSTN</i>	<i>B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN</i>	<i>B.1.10.1. Kế hoạch</i>	<i>B.1.10.2. Tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh</i>	<i>B.1.10.3. Kết quả xử lý</i>
1	Sở						
2	...						
3	Huyện.....						
4	...						
...	...						

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)	
	B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	
	B.2. Công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	
	B.2.1 UBND tỉnh ban hành VB hướng dẫn, đơn đốc thực hiện công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	B.2.2 Kết quả thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN
1		
2		
3		
...		

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)		
	C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG		
	C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng		
	C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.	C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử
1			
2			
3			
....			

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)							
	C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG							
	C.2. Việc xử lý tham nhũng							
	C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng		C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng			C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu CQ, TC, ĐV căn cứ vào mức độ của vụ việc TN		
	<i>C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra TN</i>	<i>C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN</i>	<i>C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra</i>	<i>C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố</i>	<i>C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử</i>	<i>C.2.3.1. Hình thức khiển trách</i>	<i>C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo</i>	<i>C.2.3.3. Hình thức cách chức</i>
1								
2								
3								
...								

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)						
	C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG						
	C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN						
	C3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của CQTCĐV	C3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	C3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong CQTCĐV	C3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích	C3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyên đổi vị trí công tác	C3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi TN	C3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi khác trong kiểm soát TSTN
1							
2							
3							
...							

t	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)	
	D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHỮNG	
	D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	
	D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh
1		
2		
3		
...		

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)	
	D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHỮNG	
	D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	
	D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án
1		
2		
3		
...		

** Ghi chú: các đơn vị chủ trì tổng hợp danh mục tài liệu, số liệu chứng minh vào phụ lục này.*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



Phụ lục 6

**DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số 197 /KH-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG <i>(Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)</i>	Ghi chú
A.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện:		
A.2.1. Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN		
<i>A.2.1.1. Ban hành kế hoạch</i>		
<i>A.2.1.2. Kết quả thực hiện</i>		
A.2.2. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		
<i>A.2.2.1. Ban hành kế hoạch</i>		
<i>A.2.2.2. Kết quả thực hiện</i>		
A.2.3. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.		
<i>A.2.3.1. Ban hành kế hoạch</i>		
<i>A.2.3.2. Kết quả thực hiện</i>		
A.2.4. Thực hiện kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước		
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018		
B.1.2. Kết quả cải cách hành chính (PAR năm 2023)	Các cơ quan, đơn vị, địa phương không liệt kê mục này	
B.1.3. Kết quả chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2023)	Các cơ quan, đơn vị, địa phương không liệt kê mục này	
B.1.4. Kết quả thực Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025	Các cơ quan, đơn vị, địa phương không liệt kê mục này	

A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG <i>(Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)</i>	Ghi chú
B.1.5. Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC)		
<i>B.1.5.1. Việc ban hành kế hoạch</i>		
<i>B.1.5.2. Kết quả thực hiện</i>		
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)		
<i>B.1.6.1. Việc ban hành kế hoạch</i>		
<i>B.1.6.2. Kết quả thực hiện</i>		
<i>B.1.6.3. Kết quả giải quyết XDLI</i>		
B.1.7. Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC		
<i>B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch</i>		
<i>B.1.7.2. Kết quả thực hiện</i>		
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử		
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)		
<i>B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.</i>		
<i>B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN</i>		
<i>B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN</i>		
<i>B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN</i>		
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc		
<i>B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg năm 2023</i>		
<i>B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc</i>		
<i>B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị số 10/CT-TTg</i>		
B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức XH do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh.		
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện	Các cơ quan, đơn vị, địa phương không liệt kê mục này	

A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG <i>(Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)</i>	Ghi chú
công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước		
B.2.2. Kết quả thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước		
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG		
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng		
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.		
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo		
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử		
C.2. Việc xử lý tham nhũng		
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN		
<i>C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.</i>		
<i>C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN</i>		
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng		
<i>C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra</i>		
<i>C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố</i>		
<i>C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử</i>		
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.		
<i>C.2.3.1. Hình thức khiển trách</i> <i>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)</i>		
<i>C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo</i> <i>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến</i>		

A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)	Ghi chú
07 năm)		
C.2.3.3. Hình thức cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)		
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN		
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác		
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 20, 21 - Nghị định 130/2020/NĐ-CP)		
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHƯNG		
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh		
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra		
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh		

A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG <i>(Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)</i>	Ghi chú
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án		
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử		
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án		

PHỤ LỤC 7

DANH SÁCH CÁC CUỘC THANH TRA, KIỂM TRA TRONG NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số **197**/KH-UBND ngày **29**/3/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

ST T	Quyết định thanh tra		Kết luận thanh tra	Cấp, đơn vị ban hành	Đơn vị được thanh tra	Tổng hợp các dạng sai phạm	Ghi chú
	Số hiệu văn bản	Nội dung thanh tra					
I	THANH TRA						
1							
2							
...							
II	KIỂM TRA						